

Tóm lược

BẦU CỬ Ở HOA KỲ

USA

ELECTIONS

in Brief



Ấn phẩm của Chương trình Thông tin Quốc tế
Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 1/2012



Cử tri Mỹ đi bầu cử thường có nhiều lựa chọn.

Ấn phẩm này có trên Internet tại địa chỉ:

http://photos.state.gov/libraries/amgov/30145/publications-english/USA_Elections_InBrief.pdf (tiếng Anh)

<http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/transdoc/elections2012vn.pdf> (tiếng Việt)

GIỚI THIỆU

Các cuộc bầu cử tự do và công bằng là nền tảng của bất kỳ một nền dân chủ nào, và đóng vai trò thiết yếu đối với việc chuyển giao quyền lực một cách hòa bình.

Khi các cử tri bầu ra các nghị sĩ, tức là họ bầu ra những vị lãnh đạo quyết định tương lai của xã hội. Đó là lý do tại sao người ta nói rằng bầu cử đã trao quyền cho người dân bình thường: bầu cử cho phép họ gây ảnh hưởng đến những chính sách trong tương lai của chính phủ và qua đó ảnh hưởng đến tương lai của chính họ.

Hoa Kỳ vốn đã theo chế độ dân chủ đại diện kể từ khi thông qua Hiến pháp năm 1788 – mặc dù truyền thống bầu cử bắt đầu từ thời thuộc địa và bắt nguồn từ lịch sử của nước Anh. Cuốn sách này mô tả bản chất của quá trình bầu cử ở Mỹ hiện nay và cách thức vận hành của quá trình đó ở các cấp liên bang, bang và địa phương. Phức tạp và đôi khi khó hiểu, quá trình này đã phát triển qua nhiều giai đoạn để mang lại quyền bỏ phiếu toàn dân cho tất cả các nam nữ công dân Mỹ từ 18 tuổi trở lên.

BẦU CỬ Ở HOA KỲ

Các cuộc bầu cử Quốc hội và một số cuộc bầu cử chính quyền bang và địa phương được tổ chức vào những năm chẵn. Một số bang và chính quyền địa phương lại tổ chức bầu cử vào những năm lẻ.

Cứ 4 năm một lần, người dân Mỹ lại đi bầu cử tổng thống và phó tổng thống. Và cứ hai năm một lần, họ lại đi bầu tất cả 435 hạ nghị sĩ trong Hạ viện và khoảng 1/3 trong số



Barack Obama, bên trái, đề cử ứng cử viên tổng thống của Đảng Dân chủ, và Joe Biden, đề cử ứng cử viên phó tổng thống, đang vẫy chào các đảng viên Đảng Dân chủ tại đại hội toàn quốc của Đảng Dân chủ năm 2008 tại Denver, bang Colorado.

100 thượng nghị sĩ trong Thượng viện. Các thượng nghị sĩ làm việc với nhiệm kỳ 6 năm xen kẽ nhau (sao cho không phải tất cả 100 thượng nghị sĩ đều mãn nhiệm vào cùng một năm – ND).

Hoa Kỳ hoạt động dựa vào một hệ thống chính quyền liên bang tương đối phức tạp, trong đó chính quyền liên bang là chính quyền trung ương, nhưng các chính quyền bang và chính quyền địa phương có thẩm quyền riêng đối với những vấn đề không thuộc quyền kiểm soát của liên bang. Các chính quyền bang và địa phương có các mức

độ độc lập khác nhau trong cách thức tổ chức bầu cử trong phạm vi của mình, nhưng họ cũng tổ chức những cuộc bầu cử thường xuyên và được quản lý một cách hiệu quả.

CÁC LOẠI HÌNH BẦU CỬ Ở HOA KỲ

Có hai loại hình bầu cử cơ bản: bầu cử sơ bộ và tổng tuyển cử. Các cuộc bầu cử sơ bộ được tổ chức trước cuộc tổng tuyển cử để chọn ra các ứng cử viên của các đảng cho cuộc tổng tuyển cử. Những người chiến thắng trong cuộc bầu cử sơ bộ sẽ tiếp tục đại diện cho đảng mình trong cuộc tổng tuyển cử (mặc dù có thể họ phải trải qua một vài bước nữa trước khi được đảng của họ cho phép làm như vậy).

Từ đầu thế kỷ 20, các cuộc bầu cử sơ bộ đã cách thức chủ yếu để chọn ra các ứng cử viên của các đảng. Trừ một vài ngoại lệ hiếm hoi, ứng cử viên nào thắng trong cuộc bầu cử sơ bộ thì sẽ được đề cử làm ứng cử viên của đảng đó trong cuộc tổng tuyển cử. Ở một số bang, các ứng cử viên của các đảng lại được chọn ra từ các hội nghị chọn ứng cử viên chứ không thông qua bầu cử sơ bộ. Điều này có thể là theo truyền thống, hoặc theo sự lựa chọn của các đảng phái chính trị.

Sau khi các cuộc bầu cử sơ bộ hay hội nghị chọn ứng cử viên kết thúc, thì một cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức để quyết định xem ai sẽ thắng cử. Trong cuộc tổng tuyển cử, các cử tri sẽ chỉ lựa chọn từ các ứng cử viên của các đảng đã được



Một vài đảng viên Đảng Dân chủ đang bày tỏ sự ủng hộ của mình đối với bà Hillary Clinton trong phiên họp kín tháng 2/2008 tại South Portland, bang Maine.

ghi tên trên phiếu bầu.

Trong phiếu bầu của cuộc tổng tuyển cử còn có thể ghi cả tên của các ứng cử viên độc lập (những người không thuộc một đảng phái chính trị lớn nào), được ghi tên trên phiếu bầu nếu đệ trình đủ số chữ ký ủng hộ cho mình, chứ không thông qua



Thị trưởng lâm thời của Thành phố San Francisco, ông Ed Lee, ăn mừng việc mình đã thắng cử tháng 11/2011 để tái nhiệm cho cả nhiệm kỳ.

bầu cử sơ bộ truyền thống. Ngoài ra, ở một vài bang, phiếu bầu còn có cả một khoảng trống để cử tri “viết thêm” vào đó tên của những ứng cử viên khác không được các đảng đề cử hay không đủ điều kiện làm ứng cử viên độc lập. Những ứng cử viên như vậy có thể được gọi là “tự đề cử”, và đôi khi họ cũng thắng cử để được giữ các vị trí trong chính quyền.

Ở Hoa Kỳ, các cuộc bầu cử không chỉ để bầu ra những người giữ các vị trí trong chính quyền. Tại một số bang và địa phương, trên phiếu bầu còn ghi cả những câu hỏi về chính sách công để cử tri thể hiện sự ủng hộ hay phản đối của mình. Các vấn đề mà cơ quan lập pháp, ủy ban địa phương hay hội đồng địa phương nêu ra để xin ý kiến cử tri – được gọi là trưng cầu dân ý – và những vấn đề mà người dân kiến nghị đưa vào trong phiếu bầu – được gọi là sáng kiến của dân – thường liên quan đến các đợt phát hành trái phiếu (cho phép chính quyền bang/địa phương được vay tiền cho những dự án công), các vấn đề về quyền hạn hay phê phán chính phủ. Trong những thập kỷ gần đây, những kiến nghị nêu trên phiếu bầu này đã có những tác

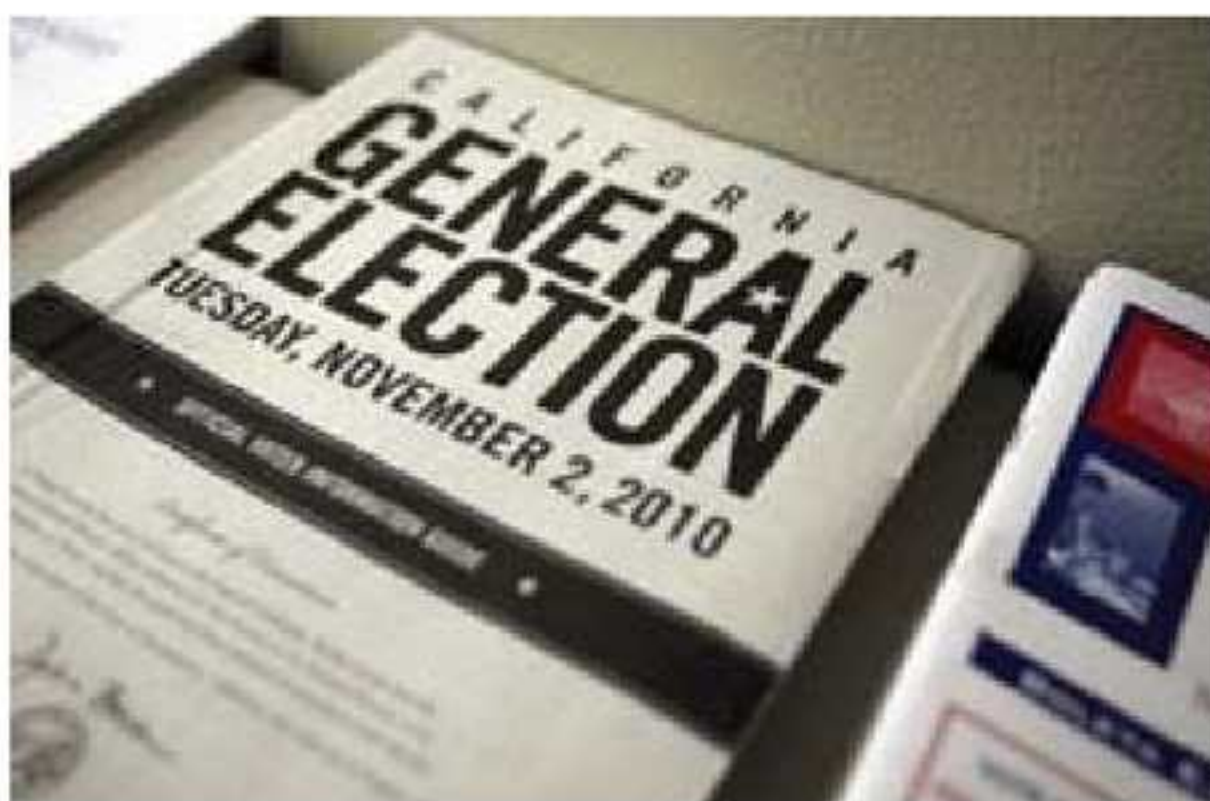
động đáng kể, nhất là đối với các vấn đề liên quan đến ngân sách và các chính sách của bang.

Bên cạnh các cuộc bầu cử cấp liên bang, cấp bang và cấp địa phương được tổ chức vào những năm chẵn, nhiều bang và địa phương lại tổ chức các cuộc bầu cử vào các năm lẻ. Nhiều địa phương cũng cho phép các cuộc bầu cử đặc biệt, có thể được tổ chức vào bất kỳ lúc nào để phục vụ một mục đích cụ thể, ví dụ như để tìm người giữ một chức vụ trong cơ quan dân cử nào đó vì chức vụ đó đột nhiên bị trống.

BẦU CỬ TỔNG THỐNG

Cứ bốn năm một lần, cuộc tổng tuyển cử để bầu ra tổng thống Hoa Kỳ lại được tổ chức vào ngày thứ ba sau ngày thứ hai đầu tiên của tháng 11. Trước đó, các bang đã phải tổ chức bầu cử sơ bộ hoặc tiến hành họp kín để chọn ra đại diện tham dự đại hội chỉ định ứng cử viên đại diện cho đảng. Những cuộc bầu cử sơ bộ và họp kín của các bang thường diễn ra vào khoảng từ tháng 1 đến tháng 6, sau đó là các đại hội toàn quốc vào mùa hè trước khi diễn ra tổng tuyển cử.

Từ những năm 1970, trước khi diễn ra đại hội toàn quốc người ta đã biết ai là ứng cử viên tổng thống – những người cuối cùng được các đảng chỉ định - vì họ đã giành được sự ủng hộ của đa số đại



Một cuốn sách mỏng hướng dẫn cử tri đưa ra các chỉ dẫn cho cuộc bầu cử tháng 11 năm 2010 tại khu vực California.

biểu trước khi mùa bầu cử sơ bộ và họp kín kết thúc. Do đó, các đại hội toàn quốc nhìn chung chỉ là các sự kiện mang tính hình thức mà thôi. Các sự kiện chính diễn ra trong hội nghị là một bài phát biểu dẫn đề của chủ tịch đảng, công bố ứng cử viên phó tổng thống cho người được đề cử tổng thống, kêu gọi các lá phiếu



Ứng cử viên phó tổng thống của Đảng Cộng hòa, bà Sarah Palin, bên trái, và con gái Piper đứng cạnh ứng cử viên tổng thống John McCain tại đại hội toàn quốc của Đảng Cộng hòa năm 2008 tại St. Paul, bang Minnesota.

của đại biểu và cử tri của bang, và thông qua “cương lĩnh” của đảng (tài liệu nêu rõ quan điểm của đảng đối với các vấn đề lớn mà dân chúng quan tâm). Vì đây là sự kiện được truyền hình rộng rãi và đánh dấu sự bắt đầu của chiến dịch tổng tranh cử, các đại hội toàn quốc này là cơ hội để giới thiệu và quảng bá về ứng viên của mỗi đảng và nêu bật sự khác biệt với các đảng đối lập.



Tổng thống Obama chào hỏi những người ủng hộ ở Miami vào tháng 6/2011 sau khi phát động chiến dịch tái tranh cử năm 2012.

Mỗi cuộc bầu cử có tỉ lệ cử tri đi bỏ phiếu khác nhau, nhưng tỉ lệ nói chung ở Hoa Kỳ, ngay cả đối với cuộc bầu cử tổng thống, là thấp hơn so với hầu hết các nước dân chủ khác. Tỉ lệ cử tri đi bỏ phiếu đã giảm từ 64% vào năm 1960 xuống còn hơn 50% vào năm 1996, mặc dù

tỉ lệ này đã tăng trở lại trong ba cuộc bầu cử gần đây. Có một vài nguyên nhân cho tỉ lệ khá thấp này ở Mỹ. Khác với một số các quốc gia dân chủ khác, cử tri ở Hoa Kỳ phải tự đăng ký để được tham gia bầu cử, quy định này có thể khác nhau giữa các bang. Một nguyên nhân khác là vì bầu cử là tự nguyện chứ không bắt buộc như ở một số quốc gia khác. Cũng có thể là do cần phải có rất nhiều các cuộc bầu cử để bầu ra khoảng hơn một triệu người phụ trách các cơ quan dân sự trên toàn quốc, nên cử tri trở nên mệt mỏi và do đó tỉ lệ tham gia bỏ phiếu thấp.

Các số liệu thống kê cho thấy tỉ lệ cử tri đi bỏ phiếu có thể giảm xuống khi dân chúng hài lòng với tình hình chính trị hiện nay, hoặc khi các cuộc thăm dò cho thấy thắng lợi chắc chắn sẽ thuộc về một ứng viên nào đó. Ngược lại, tỉ lệ cử tri đi bầu có thể tăng lên khi cuộc chạy đua giữa các ứng cử viên là rất sát sao, hoặc khi trên phiếu bầu có những vấn đề quan trọng gây tranh cãi.



Ông Raul Labrador, ứng cử viên quốc hội, đang chờ đợi kết quả đêm bầu cử tháng 11/2011 tại trụ sở của Đảng Cộng hòa ở Boise, bang Idaho.

CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI ỨNG CỬ VIÊN

Mỗi cơ quan dân cử cấp liên bang lại có những yêu cầu khác nhau, được nêu trong các Điều I và II của Hiến pháp Hoa Kỳ. Ví dụ như một ứng cử viên tổng thống khi sinh ra đã phải là một công dân Mỹ, ít nhất 35 tuổi, và thường trú ở Hoa Kỳ trong ít nhất 14 năm. Ứng cử viên phó tổng thống cũng phải đáp ứng những yêu cầu này. Theo Điều bổ sung sửa đổi thứ 12 của Hiến pháp, phó tổng thống không được đến từ cùng một bang với tổng thống.

Các ứng cử viên vào Hạ viện Hoa Kỳ phải ít nhất 25 tuổi, là công dân Hoa Kỳ trong ít nhất 7 năm và là người cư trú hợp pháp ở bang mà họ muốn đại diện tại Quốc hội. Các ứng cử viên vào Thượng viện phải ít nhất 30 tuổi, là công dân Hoa Kỳ trong ít nhất 9 năm, và là người cư trú hợp pháp tại bang mà họ muốn đại diện. Ứng cử viên vào các vị trí quản lý cơ quan dân sự của bang hoặc của địa phương phải đáp ứng những yêu cầu mà bang hay địa phương đó nêu ra.

Điều bổ sung sửa đổi thứ 22 của Hiến pháp được phê chuẩn vào năm 1951 đã nghiêm cấm tổng thống không được nắm quyền quá hai nhiệm kỳ.

Tuy nhiên, Hiến pháp không đặt giới hạn về nhiệm kỳ đối với các hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ quốc hội, mặc dù nhiều nhóm chính trị trong những năm vừa qua đã vận động hành lang để đưa ra những hạn chế



Hạ nghị sĩ Aaron Schock, một người thuộc Đảng Cộng hòa của bang Illinois, 30 tuổi, hiện là nghị sĩ trẻ nhất trong Quốc hội.

này. Các hạn chế về nhiệm kỳ đối với các vị trí trong chính quyền bang và địa phương (nếu có) được nêu ra trong các bản hiến pháp và các pháp lệnh của địa phương.

VAI TRÒ CỦA CÁC ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ

Khi những người sáng lập ra nền Cộng hòa Mỹ soạn thảo và phê chuẩn Hiến pháp Hoa Kỳ, họ không đề cập đến vai trò của các đảng phái chính trị. Trên thực tế, thông qua các quy định khác nhau trong Hiến pháp – như chế độ tam quyền phân lập giữa ba nhánh hành pháp, lập pháp và tư pháp; thể chế liên bang; và bầu cử tổng thống gián tiếp qua Cử tri đoàn (xem dưới đây) - để tách biệt nước cộng hòa non trẻ khỏi các đảng phái và vây cánh chính trị. Bất chấp ý định của những nhà lập quốc, vào năm 1800 nước Mỹ đã trở thành quốc gia đầu tiên xây dựng các đảng phái chính trị non trẻ được tổ chức trên phạm vi toàn quốc để đạt được sự chuyển giao quyền điều hành đất nước từ tay một đảng phái này sang một đảng phái khác thông qua một cuộc bầu cử. Sự phát triển và mở rộng của các đảng phái chính trị sau đó gắn liền với việc mở rộng quyền bầu cử. Trong thời kỳ đầu của nền cộng hòa, chỉ những người chủ đất đai là nam giới mới có quyền bỏ phiếu, nhưng hạn chế đó đã bắt đầu được nới lỏng vào đầu thế kỷ 19 do làn sóng nhập cư, sự tăng trưởng của các thành phố và các làn sóng dân chủ khác, ví dụ như việc mở rộng đất nước về phía Tây. Sau nhiều thập kỷ, khi các hạn chế dựa trên quyền sở hữu đất đai, chủng tộc và giới tính đã bị bãi bỏ, quyền bầu cử đã được mở rộng cho nhiều người hơn nữa. Khi thành phần cử tri được mở rộng, các đảng phái chính trị cũng phát triển để vận động thật nhiều cử tri ủng hộ cho mình, coi đó là phương tiện để kiểm soát về chính

trị. Các đảng phái chính trị đã được “thể chế hóa, chính thức hóa” để đạt được nhiệm vụ quan trọng này. Do đó, các đảng ở Hoa Kỳ đã nổi lên như một phần của sự mở rộng dân chủ, và bắt đầu từ những năm 1830, đã phát triển vững mạnh và nắm trong tay nhiều quyền lực.

Ngày nay, Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ - cả hai đảng này đều là hậu duệ của các đảng phái từ thế kỷ 18 và 19 – là hai đảng chủ yếu trong đời sống chính trị Mỹ. Tuy có một vài ngoại lệ hiếm hoi, song hai đảng này chia nhau giữ ghế tổng thống, kiểm soát Quốc hội, nắm các chức thống đốc các bang và người đứng đầu cơ quan lập pháp các bang. Ví dụ như tất cả các tổng thống kể từ năm 1852 đều là người thuộc hoặc Đảng Dân chủ hoặc Đảng Cộng hòa, và trong thời kỳ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai, hai đảng trung bình đạt được gần 95% tỉ lệ phiếu bầu phổ thông cho vị trí tổng thống. Hiếm khi có bang nào trong số 50 bang bầu lên một thống đốc bang không phải là người thuộc Đảng Dân chủ hay Cộng hòa. Số người thuộc đảng thứ ba hay không thuộc đảng nào



Ông John Boehner, Chủ tịch mới nhậm chức của Hạ nghị viên và là người thuộc Đảng Cộng hòa, nhận chiếc búa từ tay cựu Chủ tịch Nancy Pelosi, thuộc Đảng Dân chủ, vào tháng 1 năm 2011.



Ứng cử viên của Đảng Dân chủ, ông Barack Obama (bên trái), và ứng cử viên Đảng Cộng hòa, ông John McCain đang đối thoại tại một cuộc tranh luận giữa các ứng viên tổng thống được phát sóng trên truyền hình vào tháng 10/2008.

(độc lập) được bầu vào quốc hội hay các cơ quan lập pháp các bang là rất ít.

Trong những thập kỷ gần đây, ngày càng có nhiều cử tri tự nhận mình là “độc lập”, và ở nhiều bang, họ được phép đăng ký bỏ phiếu với tư cách độc lập. Tuy nhiên, theo các cuộc thăm dò dư luận, ngay cả những người nói rằng mình độc lập thì vẫn có xu hướng nghiêng về một đảng phái chính trị nào đó.

Tuy nhiên ở cấp địa phương vẫn có những trường hợp ngoại lệ, nhất là ở các thành phố hay thị trấn nhỏ, nơi các ứng cử viên có thể không phải tuyên bố mình thuộc đảng phái nào, hoặc họ có thể tham gia chạy đua tranh cử với những người cùng chí hướng theo một sáng kiến cụ thể cho địa phương – ví dụ như tái phát triển khu vực trung tâm thành phố, hoặc xây dựng trường học.

Mặc dù hai chính đảng này có tổ chức và chi phối chính quyền liên bang, bang và địa phương, song họ dường như ít nhất quán về hệ tư tưởng và lập trường chính trị hơn so với các đảng phái ở nhiều quốc gia dân chủ khác. Khả năng các chính đảng thích nghi với những diễn biến chính trị của đất nước dẫn đến cách tiếp cận thực dụng của họ đối với tiến trình chính trị.

TẠI SAO LẠI HÌNH THÀNH HỆ THỐNG HAI ĐẢNG?

Như đã nêu trên, Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa đã giữ vai trò chủ đạo trong đời sống chính trị và các cuộc bầu cử từ những năm 1860. Kỷ lục chưa nước nào phá được về việc hai đảng thay nhau liên tục kiểm



Các hạ nghị sĩ tuyên thệ nhậm chức trong Hạ nghị viện trong lễ khai mạc Quốc hội Hoa Kỳ thứ 112 vào ngày 3/1/2011.

soát các cuộc bầu cử đã phản ánh các khía cạnh về cấu trúc của hệ thống chính trị Mỹ cũng như những đặc điểm của hai đảng này.

Quy định chuẩn đối với các nghị sĩ Quốc hội của liên bang và các thành viên trong cơ quan lập pháp các bang ở Hoa Kỳ là hệ thống “mỗi quận một đại biểu”, theo đó ứng cử viên nào nhận được số phiếu cao nhất của một quận thì thắng cử. Mặc dù một vài bang yêu cầu phải nhận được đa số phiếu bầu thì mới được coi là thắng cử, song hầu hết những người đứng đầu các cơ quan dân sự chỉ cần có số phiếu cao nhất là được.

Không giống như các hệ thống bầu đại biểu quốc hội theo tỉ lệ ở nhiều quốc gia dân chủ, nguyên tắc “mỗi quận một đại biểu” chỉ cho phép mỗi quận có một đảng thắng cử. Do đó, hệ thống này tạo ra một động cơ thành lập nên những đảng phái hoạt động trên phạm vi toàn quốc với diện rộng, với đầy đủ các kỹ năng quản lý, nguồn lực

tài chính và giành được sự yêu thích của dân chúng thì mới có thể giành được số phiếu bầu cao nhất ở mỗi quận, từ đó giành thắng lợi chung trên cả nước. Theo hệ thống này, các ứng cử viên thiểu số và của các đảng thứ ba sẽ bị bất lợi. Những chính đảng có nguồn lực tài chính hạn chế và số người ủng hộ ít ỏi sẽ khó có thể giành được bất kỳ sự đại diện nào. Do đó, các đảng mới khó mà giành được một mức độ đại diện hợp lý và tầm ảnh hưởng trên toàn quốc do cơ chế “được ăn cả-ngã về không” của hệ thống bầu cử Hoa Kỳ.

Tại sao lại là hai đảng có nguồn tài chính dồi dào, mà không phải là một con số khác, như ba đảng chẳng hạn? Một phần là do hai đảng được coi là đã đủ cho dân chúng lựa chọn, phần vì công chúng Mỹ từ trước tới nay luôn không thích các quan điểm chính trị cực đoan, và một phần là do cả hai đảng đều cởi mở trước những ý tưởng mới.

CỬ TRI ĐOÀN

Phương pháp dùng cử tri đoàn để lựa chọn tổng thống càng củng cố thêm hệ thống hai đảng. Theo hệ thống cử tri đoàn, người Mỹ không bỏ phiếu để trực tiếp bầu ra tổng thống và phó tổng thống. Thay vào đó, ở mỗi bang, người dân sẽ bầu ra một nhóm những “đại cử tri”, những người đã cam kết sẽ bầu cho một ứng cử viên tổng thống nhất định. Số lượng đại cử tri tỉ lệ với số đại biểu quốc hội, nghĩa là tổng số hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ của bang đó. Để trở thành tổng thống, ứng cử viên phải đạt được số phiếu đa số tuyệt đối trong số 538 phiếu đại cử tri (con số này bao gồm 3 phiếu đại cử tri từ thủ đô Washington D.C., đây không phải là một bang và không có đại diện trong Quốc hội).

Yêu cầu về đa số phiếu tuyệt đối khiến cho một ứng cử viên từ một

Cử tri đoàn, thay đổi tỉ lệ phân bổ phiếu đại cử tri

Sau một cuộc tổng điều tra toàn quốc được thực hiện 10 năm một lần, các phiếu đại cử tri cho chức tổng thống và phó tổng thống được phân bổ lại cho các bang dựa trên số dân của bang đó. Như các bản đồ tỉ lệ dân số ở trang bên cho thấy, từ năm 1960 đến năm 2012, các phiếu đại cử tri đã thay đổi tỉ lệ phân bổ từ miền đông bắc, trung tây và miền nam tăng trưởng khá chậm chạp, sang miền tây, tây nam và các bang miền nam dọc theo bờ Đại Tây Dương tăng trưởng nhanh hơn. Ngoài ra, Washington D.C., thủ đô Hoa Kỳ, cũng nhận được 3 phiếu đại cử tri từ cuộc bầu cử năm 1964. Năm 2012, cần phải giành được 270 trong số 538 phiếu đại cử tri thì mới được làm tổng thống.

Bản đồ truyền thống



đảng thứ ba gặp rất nhiều khó khăn để đắc cử tổng thống bởi các phiếu đại cử tri của các bang được phân bổ theo nguyên tắc “được ăn cả-ngã về không” (chỉ có 2 ngoại lệ). Có nghĩa là, bất cứ ứng cử viên nào nhận được số phiếu phổ thông cao nhất (dù tỉ lệ phần trăm trong tổng số phiếu của bang mà ứng viên đó có được là thấp), thì ứng viên đó vẫn có được toàn bộ phiếu đại cử tri của bang đó. Ở bang Maine và Nebraska, người thắng phiếu phổ thông trong cuộc bầu cử của bang được trao hai phiếu đại cử tri, và người thắng trong mỗi quận được trao một phiếu đại cử tri. Giống như hệ thống mỗi quận có một đại biểu trong quốc hội, hệ thống cử tri đoàn khiến cho các đảng thứ ba bị bất lợi, và có rất ít cơ may giành được phiếu đại cử tri ở bất kỳ một bang nào, chứ đừng nói đến việc giành được đủ số phiếu đại cử tri từ các bang để giành ghế tổng thống.

Những nhà lập quốc đã đặt ra hệ thống cử tri đoàn như một phần trong kế hoạch chia sẻ quyền lực giữa các bang và chính quyền liên bang. Theo hệ thống cử tri đoàn, phiếu phổ thông trên toàn quốc cho chức tổng thống không có ý nghĩa gì nhiều đối với kết quả cuối cùng. Do đó, các lá phiếu đại cử tri giành được dựa trên các cuộc bầu cử bang có thể đem lại kết quả rất khác so với kết quả bầu phiếu phổ thông trên toàn quốc. Trên thực tế, đã có 17 cuộc bầu cử tổng thống trong đó người đắc cử



Một tháng sau cuộc bầu cử bỏ phiếu phổ thông trên toàn quốc, 13 đại cử tri của bang Virginia cam kết với ứng cử viên Đảng Dân chủ, ông Barack Obama, là sẽ bỏ phiếu cho ông làm tổng thống vào tháng 12/2008 tại thủ phủ của bang ở Richmond.

lại không phải là người đã giành được số phiếu đa số trong cuộc bầu phiếu phổ thông. Cuộc bầu cử đầu tiên có kết quả như vậy xảy ra vào năm 1824 với phần thắng thuộc về Tổng thống John Quincy Adams, và cuộc bầu cử gần đây nhất có kết quả như vậy là vào năm 2000 với phần thắng về tay Tổng thống George W. Bush. Một số người cho rằng hệ thống cử tri đoàn đã lỗi thời, song một số người khác lại ưa thích hệ thống này bởi vì nó đòi hỏi các ứng cử viên tổng thống phải thắng cử ở nhiều bang chứ không chỉ ở những bang đông dân nhất.

CÁC RÀO CẢN KHÁC ĐỐI VỚI CÁC ĐẢNG THỨ BA

Với xu hướng của hệ thống bầu cử Mỹ là sẽ chỉ có hai đảng cạnh tranh với nhau, và với Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa hiện đang nắm quyền kiểm soát bộ máy chính quyền, không có gì ngạc nhiên khi hai đảng này lại đặt ra thêm những quy tắc bầu cử có lợi cho mình. Ví dụ như việc cho phép một đảng mới được tham gia tranh cử ở một bang nào đó là một quy



Ông Scott Wise, đứng giữa, người của Đảng Tự do, là ứng viên độc lập tranh cử vào Hạ viện từ bang Indiana, đang tranh luận với ông Marlin Stutzman, đứng bên trái, người của Đảng Cộng hòa, và ông Tom Hayhurst, người của Đảng Dân chủ, vào tháng 10 năm 2010.

trình rất tốn kém và mệt mỏi, đòi hỏi phải có những bản kiến nghị với hàng chục ngàn chữ ký và khả năng thu hút được một tỉ lệ phiếu đạt “ngưỡng” trong các cuộc bầu cử sau đó thì mới có thể tiếp tục được có tên trong phiếu bầu.

Quy trình đề cử rất khác biệt của Hoa Kỳ cũng là một rào cản về cấu trúc khác nữa đối với các đảng thứ ba. Trong số các quốc gia dân chủ trên thế giới, Hoa Kỳ là trường hợp đặc biệt vì nó dựa rất nhiều vào các cuộc bầu cử sơ bộ trong việc đề cử các ứng viên của đảng trong cuộc tranh đua ghế tổng thống, các ghế trong quốc hội và các cơ quan dân cử của bang. Như đã đề cập ở trên, theo hệ thống đề cử này, các cử tri trong cuộc bầu cử sơ bộ sẽ lựa chọn người mà đảng mình muốn đề cử trong cuộc tổng tuyển cử. Ở hầu hết các quốc gia khác, việc đề cử đại diện của đảng được kiểm soát bởi các tổ chức của đảng và các vị lãnh đạo của đảng đó. Nhưng ở Hoa Kỳ, thường các cử tri lại là người quyết định cuối cùng xem ai sẽ là người được Đảng Dân chủ và Cộng hòa đề cử.

Mặc dù hệ thống này có nghĩa là các tổ chức của đảng sẽ ít quyền lực hơn so với trường hợp của các quốc gia dân chủ khác, nhưng quy trình đề cử có sự tham gia (của cử tri) này đã góp phần tạo nên sự thống trị của Đảng Dân chủ và Cộng hòa trong các cuộc bầu cử. Bằng việc giành được sự đề cử của đảng thông qua các cuộc bầu cử sơ bộ, các ứng viên có đầu óc cách tân có thể vận động trong đảng mình để được ghi tên trong phiếu bầu của cuộc tổng tuyển cử, và nhờ đó nâng cao cơ hội đắc cử trong cuộc tổng tuyển cử mà không phải tổ chức các đảng phái thứ ba. Do đó, quy trình đề cử thông qua bầu cử sơ bộ sẽ có xu hướng “lái” các ý kiến khác biệt vào hai đảng lớn và khiến cho việc những ứng viên bất đồng ý kiến phải mất công thành lập một đảng thứ ba nói chung trở nên không cần thiết. Hơn nữa, các đảng phái và các ứng viên của đảng thường có xu hướng điều chỉnh các chiến lược tranh cử của họ để thể hiện được thông điệp của các ứng viên của đảng thứ ba hoặc ứng viên độc lập đang được dân chúng để ý, ủng hộ.

SỰ ỦNG HỘ RỘNG RÃI

Hai Đảng Cộng hòa và Dân chủ đều tìm kiếm sự ủng hộ của phần đông dân chúng và thu hút cử tri từ mọi thành phần kinh tế và nhân khẩu học đa dạng. Ngoại trừ các cử tri người Mỹ gốc Phi và người Do Thái nhìn chung thường hay bỏ phiếu cho ứng cử viên tổng thống của Đảng Dân chủ, còn lại cả hai đảng đều thu hút được sự ủng hộ của hầu như tất cả các nhóm kinh tế xã hội chính ở nước Mỹ. Hai đảng cũng cho thấy sự linh hoạt trong đường lối chính sách và thường không quá cứng nhắc theo một hệ tư tưởng hay một loạt những mục tiêu chính sách nào. Thay vào đó, từ trước đến nay, việc thắng cử và giành quyền kiểm soát các cơ quan dân cử trong chính phủ đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của hai đảng.

Với sự ủng hộ rộng rãi từ các tầng lớp kinh tế xã hội trong cuộc bầu cử và yêu cầu phải hoạt động trong một xã hội tương đối trung lập về hệ tư tưởng, nên các đảng phái ở Hoa Kỳ có xu hướng áp dụng các đường lối chính sách chiết trung. Như đã đề cập ở trên, họ cũng tỏ ra rất linh hoạt về chính sách. Cách tiếp cận phi học thuyết này đã giúp cho Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ chấp nhận sự đa dạng lớn trong chính nội



Sarah Rogers đính một chiếc huy hiệu có chữ “Babies for Obama” trên áo đứa con của mình tên là Soren Hillman tại một cuộc vận động tranh cử của ứng cử viên tổng thống Obama tháng 1/2008 tại Coralville, bang Iowa.

bộ đảng mình, và góp phần khiến cho hai đảng lẫn át được các đảng phái thứ ba và ngăn chặn những phong trào vận động (cho đảng thứ ba) khi những phong trào này nổ ra.

Nói chung, những người thuộc Đảng Cộng hòa được coi là đảng bảo thủ, với trọng tâm chính sách nhằm vào việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản và sự tích lũy tài sản cá tư nhân, còn Đảng Dân chủ được cho là “hữu” hơn, hướng tới những chính sách kinh tế xã hội tự do hơn. Trên thực tế, khi giành được quyền lực rồi thì hai đảng đều có xu hướng đề ra những chính sách thiết thực.

CÁC CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐẢNG MANG TÍNH PHÂN CẤP

Bên cạnh hệ tư tưởng linh hoạt, hai đảng chính của Hoa Kỳ còn có đặc trưng là cơ cấu tổ chức mang tính phân cấp. Khi đã đắc cử, một tổng thống không thể luôn tin rằng các đảng viên của đảng mình trong quốc hội sẽ là những người ủng hộ trung thành đối với các sáng kiến mà ông ta ưa chuộng, và các lãnh đạo của đảng trong quốc hội cũng không thể hi vọng mình sẽ được tất cả các đảng viên của đảng mình trong quốc hội bỏ phiếu tán thành. Các phiên họp kín trong quốc hội của Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa (các phiên họp này có thành phần tham dự là các đại biểu quốc hội



Các ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng hòa cùng xuất hiện trước cuộc tranh luận tháng 9/2011 ở California. Từ trái sang: ông Newt Gingrich, cựu Chủ tịch Hạ viện; ông Michele Bachmann hạ nghị sĩ bang Minnesota; ông Mitt Romney, cựu Thống đốc bang Massachusetts; ông Rick Perry, Thống đốc bang Texas; và ông Ron Paul, Hạ Nghị sĩ bang Texas.

đương nhiệm) đều mang tính tự chủ cao, và có thể theo đuổi những chính sách ngược hẳn với tổng thống, ngay cả khi tổng thống cũng thuộc cùng đảng với họ. Hoạt động gây quỹ của đảng cho các cuộc bầu cử cũng tách biệt như vậy, vì các ủy ban vận động cho bầu cử quốc hội và thượng viện hoạt động độc lập đối với các ủy ban quốc gia của đảng, là ủy ban chỉ chú ý nhiều đến vận động bầu cử tổng thống mà thôi. Bên cạnh đó, ngoại trừ việc khẳng định thẩm quyền đối với các thủ tục lựa chọn đại biểu đi dự các đại hội chỉ định ứng viên, các tổ chức quốc gia của đảng ít khi can thiệp vào các công việc của đảng ở mỗi bang.



Các cử tri bang Atlanta đi bỏ phiếu điện tử tại một trường trung học trong cuộc tổng tuyển cử tháng 11/2010.

Sự phân tách về tổ chức này phản ánh những hệ quả của hệ thống tam quyền phân lập mà hiến pháp quy định – việc phân chia quyền lực giữa nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp trong chính phủ, ở cả cấp liên bang và các tiểu bang. Hệ thống tam quyền phân lập có thể tạo ra rất ít động cơ cho sự đoàn kết thống nhất trong một đảng, giữa những người trong nhánh lập pháp và những người nắm quyền điều hành chính trong đảng. Điều này đặc biệt đúng, dù là về mối quan hệ giữa các thành viên quốc hội đối với chủ tịch đảng của chính họ, hay giữa các nhà lập pháp tiểu bang với thống đốc bang.

Hệ thống phân cấp giữa chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương ở Hoa Kỳ là một động cơ nữa cho việc phân cấp của các

đảng, bằng cách tạo ra hàng ngàn các khu vực cử tri cho các vị trí chính quyền ở cấp liên bang, tiểu bang và địa phương. Như đã đề cập ở trên, việc sử dụng các cuộc bầu cử sơ bộ để đề cử các ứng viên cũng làm các tổ chức đảng bị yếu đi, vì họ không còn quyền kiểm soát việc lựa chọn ứng viên của đảng mình nữa. Do đó, các ứng cử viên được khuyến khích thiết lập các tổ chức riêng cho chiến dịch vận động tranh cử của mình và những người sẽ ủng hộ mình, trước tiên là để giành thắng lợi trong cuộc bầu cử sơ bộ, và sau đó là cuộc tổng tuyển cử.

SỰ THẬN TRỌNG CỦA DÂN CHÚNG

Mặc dù hệ thống chính trị của Hoa Kỳ có một lịch sử lâu đời và đầy ấn tượng về các tổ chức đảng phái, song một thành tố không thể tách rời của văn hóa dân sự Mỹ là người dân càng ngày càng mất lòng tin đối với các đảng phái chính trị. Việc áp dụng và vai trò ngày càng tăng của hệ thống bầu cử sơ bộ trong việc đề cử các ứng viên của bang và cho quốc hội là bằng chứng về thái độ dân túy, thậm chí là đối nghịch với các đảng phái, của dân chúng. Những người Mỹ ngày nay tỏ ra nghi ngờ về những nhà lãnh đạo trong các tổ chức đảng của họ có thể nắm quyền lực và ảnh hưởng đến chính phủ. Các cuộc thăm dò dân ý liên tục cho thấy rằng phần đông người Mỹ cho rằng đôi khi điều mà các đảng phái đang làm lại khiến các vấn đề trở nên rối rắm hơn chứ không sáng tỏ hơn – và họ còn cho rằng sẽ tốt hơn nếu như trên lá phiếu bầu cử không ghi các ứng viên thuộc đảng phái nào.

Do đó, các đảng phái cũng nên chấp nhận một thực tế rằng có nhiều cử tri ngày càng không coi trọng việc mình nên ngả theo một đảng

phái nào. Một minh chứng cho điều này là xu hướng “chia đôi lá phiếu bầu”. Ví dụ như một cử tri cho thể bầu cho ứng viên tổng thống của đảng mình nhưng lại bầu cho ứng viên quốc hội của đảng đối lập. Do đó, trong kỷ nguyên mà chính phủ gồm các thành viên của cả hai đảng, các tổng thống thường thấy mình phải cố gắng lãnh đạo đất nước trong khi đảng của mình không chiếm đa số ghế trong cả hai viện của quốc hội.

Việc hai đảng chia nhau nắm quyền ở cả nhánh hành pháp và lập pháp của chính phủ đã trở thành một đặc trưng phổ biến của chính quyền liên bang và chính quyền 50 tiểu bang. Một số nhà quan sát cho rằng các cử tri thậm chí còn thích cách sắp xếp như vậy hơn, bởi vì nó có thể hạn chế các sáng kiến của chính phủ mà cử tri không ủng hộ.

CÁC ĐẢNG THỨ BA VÀ CÁC ỨNG VIÊN ĐỘC LẬP

Mặc dù gặp những khó khăn đã nêu ở trên, song các đảng thứ ba và các ứng viên độc lập đôi khi cũng là một nét đặc trưng trong đời sống chính trị Mỹ. Họ thường nêu ra những vấn đề xã hội mà các đảng phái chính không giải quyết được để công chúng bàn luận – và đưa những vấn đề đó vào trong nghị trình hoạt động của chính phủ. Nhưng hầu hết các đảng phái chính đều có xu hướng chỉ nổi bật



H. Ross Perot tranh cử tổng thống với tư cách là ứng cử viên độc lập năm 1992 và 1996.

trong một kỳ bầu cử duy nhất, rồi sau đó sẽ tự giải tán, mờ nhạt dần hoặc bị thôn tóm bởi một trong các đảng chính. Kể từ những năm 1850, chỉ có một đảng mới là Đảng Cộng hòa đã được thành lập và đạt được vị trí là đảng trọng yếu. Sở dĩ được như vậy là do vào thời điểm đó có một vấn đề đạo đức nóng hổi đang được đem ra tranh luận – chế độ nô lệ - và nước Mỹ lúc đó có hai luồng quan điểm đối nghịch nhau. Chính bối cảnh đó là cơ sở để tuyển chọn các ứng viên và vận động cử tri.

Có bằng chứng cho rằng các đảng thứ ba có thể gây ảnh hưởng lớn đến kết quả bầu cử. Ví dụ như vị trí ứng viên của đảng thứ ba của Theodore Roosevelt năm 1912 đã làm chia rẽ số phiếu bầu thông thường dành cho Đảng Cộng hòa và đã giúp cho ứng viên Woodrow Wilson của Đảng Dân chủ đắc cử tổng thống trong khi chưa giành được số phiếu quá bán của phiếu phổ thông. Năm 1992, ứng viên độc lập H. Ross Perot đã thu hút được các cử tri mà vẫn thường bầu cho Đảng Cộng hòa trong những năm 1980, và do đó đã góp phần đánh bại Tổng thống đương nhiệm lúc đó là George H.W. Bush. Trong cuộc đua hết sức sát sao năm 2000 giữa ứng viên Đảng Cộng hòa George W. Bush và ứng viên Đảng Dân chủ Al Gore, có thể nói là nếu ứng viên Ralph Nader của Đảng Xanh không có tên trong phiếu bầu của bang Florida, thì Gore có lẽ đã giành được phiếu đại cử tri của bang đó và đắc cử tổng thống.



Một cử tri đánh dấu vào phiếu bầu bằng giấy tại cuộc bầu cử sơ bộ tháng 4/2008 tại bang Pennsylvania.

Các cuộc điều tra ý kiến công chúng từ những năm 1990 đã liên tục cho thấy sự ủng hộ rất cao đối với ý tưởng về đảng thứ ba. Trong cuộc vận động cho bầu cử năm 2000, một cuộc điều tra của viện Gallup đã cho thấy 67% người Mỹ ủng hộ



Các cử tri xếp hàng trước khi mặt trời mọc vào ngày bầu cử 2/11/2010 tại Apache Junction, bang Arizona.

cho một đảng thứ ba mạnh có thể đề cử ứng viên đủ sức đối lại với các ứng viên từ Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa cho chức tổng thống, cho quốc hội và cho các cơ quan dân cử của các bang. Chính tâm lý đó cộng với số tiền khổng lồ chi tiêu trong chiến dịch tranh cử đã giúp cho nhà tỉ phú bang Texas là Perot giành được 19% số phiếu phổ thông cho chức tổng thống vào năm 1992, là tỉ lệ phần trăm cao nhất mà một ứng viên không thuộc hai đảng chính đã từng giành được kể từ thời của Theodore Roosevelt (Đảng Tiến bộ), người đã giành được tới 27% số phiếu bầu vào năm 1912.

ĐỀ CỬ TỔNG THỐNG

Các quy tắc của mỗi đảng trong việc đề cử ứng viên tổng thống không được nêu rõ trong Hiến pháp Hoa Kỳ. Như đã đề cập ở trên, vào thời điểm Hiến pháp được soạn thảo và phê chuẩn vào cuối những năm 1700 thì chưa có đảng phái nào tồn tại, và những người sáng lập ra nền cộng hòa cũng không quan tâm đến việc hạn chế những thủ tục của các đảng phái.

Bắt đầu từ năm 1796, các nghị sĩ trong quốc hội Mỹ thuộc một trong các đảng phái chính trị bắt đầu gặp gỡ nhau một cách không chính thức để thống nhất về các ứng cử viên tổng thống và phó tổng thống của đảng mình. Được biết đến với cái tên “phiên họp kín của nhà vua”, hệ thống lựa chọn các ứng viên của đảng này đã được duy trì trong gần 30 năm. Hệ thống này sụp đổ vào năm 1824, như là hệ quả của việc phân tán quyền lực chính trị đi kèm với việc mở rộng bờ cõi về phía Tây của Hoa Kỳ.



Thượng nghị sĩ John McCain bang Arizona chấp nhận được Đảng Cộng hòa đề cử tranh chức tổng thống tại đại hội toàn quốc của đảng tại St. Paul, bang Minnesota vào tháng 9/2008.

Cuối cùng, các đại hội toàn quốc nhằm đề cử ứng viên đã thay thế cho Phiên họp kín của nhà vua, nhằm lựa chọn ứng viên cho đảng. Năm 1831, một đảng thiểu số là đảng Chống-Masons đã nhóm họp tại một hội trường ở Baltimore để lựa chọn ứng viên và soạn cương lĩnh vận động tranh cử cho đảng. Vào năm sau, các đảng viên Đảng Dân chủ cũng đã nhóm họp tại chính hội trường đó để lựa chọn ứng viên của đảng mình. Kể từ đó đến nay, các đảng chính và hầu hết các đảng thiểu số đã tổ chức các đại hội toàn quốc với sự tham gia của các đại biểu đến từ các bang để lựa chọn ứng cử viên tổng thống và phó tổng thống và để thống nhất về quan điểm chính sách của đảng.

SỰ RA ĐỜI CỦA TRUYỀN HÌNH

Trong suốt thế kỷ 19 và sang cả thế kỷ 20, đại hội toàn quốc mặc dù có sự tham dự của nhiều người trung thành với đảng, các đại hội toàn quốc đề cử ứng viên tổng thống lại bị kiểm soát bởi các lãnh đạo đảng ở các bang. Những “ông sếp” chính trị này đã sử dụng ảnh hưởng của mình để lựa chọn các đại biểu của bang đi dự đại hội toàn quốc – và đảm bảo là những đại biểu đó phải biết bỏ phiếu “cho phù hợp” tại đó. Những người phản đối các vị lãnh đạo đảng ở các bang đã đòi hỏi phải cải tổ để cho phép những cử tri bình thường cũng có thể lựa chọn các đại

biểu đi dự hội nghị. Các cuộc bầu cử sơ bộ đã ra đời để phục vụ mục đích này. Cho đến năm 1916, hơn một nửa các tiểu bang trên đất Mỹ đã tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ để chọn ứng cử viên tổng thống.



Thượng nghị sĩ Barack Obama chấp nhận được đề cử ứng viên tổng thống của Đảng Dân chủ tại hội nghị toàn quốc của đảng tại Denver bang Colorado vào tháng 8/2008.

Tuy nhiên phong trào này không tồn tại được lâu. Sau khi Chiến tranh Thế giới Thứ nhất kết thúc, các vị lãnh đạo đảng biết rằng các cuộc bầu cử sơ bộ là mối đe dọa đối với quyền lực của họ, nên đã thuyết phục các cơ quan lập pháp các bang bãi bỏ bầu cử sơ bộ với lý do là chúng tốn kém và không có nhiều người tham gia. Cho đến năm 1936, chỉ còn 12 bang còn tiếp tục tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ để chọn ứng cử viên tổng thống mà thôi.

Nhưng những áp lực về dân chủ đã lại nổi lên sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai. Lần đầu tiên, truyền hình đem lại một phương tiện để quan đó mọi người chỉ cần ngồi tại nhà mình là có thể theo dõi các chiến dịch vận động chính trị. Các ứng viên tổng thống có thể sử dụng việc xuất hiện trên truyền hình để chứng tỏ sức hút chính trị của mình. Những thập niên sau đó đã đem lại những cuộc cải tổ dân chủ để mở rộng thành phần tham gia trong các hội nghị đề cử quốc gia.

Kết quả là, ngày nay hầu hết các bang đều tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ. Tùy thuộc vào luật pháp của từng bang, các cử tri đi bầu sơ bộ có thể bỏ phiếu cho ứng cử viên tổng thống của một đảng nào đó, và một đoàn các đại biểu đã “cam kết” được lựa chọn để có thể bỏ phiếu cho ứng viên tổng thống, hoặc có thể gián tiếp bầu cho một ứng cử trong một phiên họp kín bằng cách lựa chọn các đại biểu đi dự hội nghị. Trong hệ thống sử dụng phiên họp kín, những đảng viên sống cùng một khu vực địa lý tương đối nhỏ - ví dụ như một địa hạt ở địa phương – sẽ nhóm họp với nhau và bỏ phiếu để bầu lên các đại biểu đã “cam kết” là sẽ ủng hộ cho một ứng viên tổng thống nào đó.

Đổi lại, những đại biểu đó sẽ đại diện cho địa hạt của họ tại một cuộc hội nghị của địa hạt để lựa chọn các đại biểu đi dự các cuộc hội nghị của quận và của bang để bầu ra các đại biểu quốc hội. Những đại biểu đi dự các cuộc hội nghị này cuối



Bà Judy Wittkop, Chủ tịch khu vực bầu cử , đang giải thích về các quy định trong phiên họp kín tháng 1/2008 tại Le Mars, bang Iowa.

Cuộc bầu cử Mỹ ngày 2/11/2010.

Ông Miguel Fuentes giúp vợ mình là bà Cristina đi bỏ phiếu tại miền đông Los Angeles, bang California.



Các cử tri đi bỏ phiếu tại trường trung học Henry W. Grady tại thành phố Atlanta, bang Georgia.



Các cử tri đánh dấu vào lá phiếu của mình tại Dearborn, bang Michigan.

Chị Robbie Walker để mắt đến hai đứa con sinh đôi ba tuổi của mình là Bryce và Brayden Hughes trong lúc chị bỏ phiếu tại trường trung học cơ sở Providence tại Chesterfield, bang Virginia.





Trong bộ trang phục thể hiện lòng yêu nước, Vicki Vargus đang bỏ phiếu tại Sacramento, bang California.

Các cử tri đang tìm hiểu lá phiếu tại một điểm bầu cử tại Kiryas Joel, bang New York.



Greg McFarland rời khỏi điểm bầu cử sau khi bỏ phiếu tại Temp, bang Arizona.

Yun Wang bỏ phiếu tại tòa án ở Central City, bang Colorado.



cùng sẽ lựa chọn các đại biểu đại diện cho bang tại đại hội toàn quốc. Mặc dù các hội nghị các cấp như thế này sẽ kéo dài trong vòng vài tháng, việc lựa chọn các đại biểu chủ yếu đều được định đoạt ngay từ vòng bỏ phiếu đầu tiên.

Số lượng đại biểu thực sự của mỗi bang đi dự hội nghị toàn quốc được tính toán dựa trên một công thức mà mỗi đảng tự đặt ra, trong đó có những yếu tố như dân số của bang, sự ủng hộ của bang từ trước đó đối với các ứng cử viên quốc gia của đảng, và số đại biểu dân cử và các lãnh đạo đảng đang



Rick Erwin đang đếm số phiếu sơ bộ ở Dixville Notch, một địa phương nhỏ ở bang New Hampshire, vào tháng 1/2008.

làm việc trong các cơ quan dân cử từ bang đó. Công thức phân bổ mà Đảng Dân chủ sử dụng dẫn đến kết quả là các đại hội toàn quốc với số đại biểu đông khoảng gấp đôi so với các đại hội của Đảng Cộng hòa.

Kết quả của sự cải cách này kể từ sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai là có hai xu hướng quan trọng đã nổi lên. Thứ nhất, ngày càng có nhiều bang tổ chức các cuộc bầu cử tổng thống sơ bộ và các phiên họp kín vào các thời điểm sớm hơn so với trước đây để hướng tới giai đoạn quyết định của mùa đề cử ứng viên, xu hướng này còn được gọi là “ra tay trước”. Việc là bang tổ chức bầu cử sơ bộ hay họp kín sớm sẽ cho phép cử tri của bang đó gây được nhiều ảnh hưởng hơn đến việc lựa chọn những ứng cử viên cuối cùng. Bên cạnh đó, điều này có

thể khuyến khích các ứng viên đáp ứng các yêu cầu và mối quan tâm của bang ngay từ sớm, và có thể buộc các ứng viên phải tổ chức bài bản trong bang, phải chi tiêu cho các nhân viên vận động, cho truyền thông, và cả khách sạn để cố gắng giành được một chiến thắng tâm lý ngay từ đầu quá trình đề cử.

Bên cạnh đó, ở một số vùng miền của đất nước, các tiểu bang lại hợp tác với nhau để tổ chức “các cuộc bầu cử sơ bộ vùng” bằng cách tổ chức các cuộc bầu cử sơ bộ và các phiên họp kín vào cùng một ngày để tối đa hóa ảnh hưởng của cả vùng.

Cả hai xu hướng này đều đã buộc các ứng cử viên phải bắt đầu chiến dịch tranh cử của mình sớm hơn để giành được sự ủng hộ ở các bang tổ chức bầu cử sơ bộ sớm, và số bang như thế đang ngày càng tăng lên. Các ứng viên cũng phải phụ thuộc ngày càng nhiều vào các phương tiện truyền thông đại chúng – phát thanh, truyền hình và Internet – và vào sự ủng hộ của các lãnh đạo đảng của bang nhằm giúp họ đến được với các cử tri ở những bang nơi có thể tổ chức bầu cử sơ bộ vào cùng một ngày.

SỰ SUY GIẢM CỦA HỘI NGHỊ CỦA ĐẢNG

Một hậu quả của những sự thay đổi trong quá trình đề cử người ra tranh cử tổng thống là tầm quan trọng ngày càng giảm của hội nghị đề cử toàn quốc được



Các đại biểu đến hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng hòa năm 1868 ở Chicago.

truyền hình rộng rãi. Ngày nay, người được đề cử làm ứng viên tổng thống thực ra đã được xác định bởi quá trình bầu cử sơ bộ từ khá sớm. Người được đề cử thậm chí còn có thể chọn ứng viên phó tổng thống cho mình trước khi đại hội được triệu tập. (Các ứng viên phó tổng thống không chạy đua một cách độc lập cho chức vụ đó trong các cuộc bầu cử sơ bộ, mà được lựa chọn bởi người chiến thắng trong quá trình đề cử ứng viên tổng thống của đảng lựa chọn).

Như vậy, quá trình đề cử ứng viên tổng thống tiếp tục được cải tiến. Trong những thập niên gần đây, sự cải tiến này đã làm gia tăng số cử tri tham gia, làm đa dạng thành phần nhân khẩu học và tăng cường mối liên kết giữa những người ủng hộ với các ứng viên.

Theo quy định trong hiến pháp hiện nay, quá trình này tạo ra một lợi thế đối với các ứng viên được nhiều người biết đến, họ có thể quyên góp tiền bạc, thể tổ chức các chiến dịch vận động tranh cử hiệu quả nhất và tạo ra sự ủng hộ cao nhất của cử tri từ rất sớm trong mùa bầu cử sơ bộ để chọn ứng viên tổng thống.



Ứng viên tổng thống của Đảng Dân chủ, ông Obama, hoàn thành diễn văn chấp nhận của mình tại Đại hội Đảng năm 2008.

KẾT NỐI INTERNET

Các ứng viên và những người ủng hộ của họ đã nhanh chóng sử dụng mạng Internet làm công cụ vận động tranh cử. Internet đã chứng tỏ là một cách thức hiệu quả để xin tài trợ từ những người ủng hộ tiềm năng và để khuếch trương các chính sách và kinh nghiệm của ứng cử viên.

Thư điện tử và các trang mạng cá nhân đã chiếm vị trí quan trọng trong cuộc bầu

cử năm 2008. Các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook và Twitter đang đóng một vai trò to lớn trong cuộc bầu cử năm 2012. Các tổ chức vận động tranh cử làm việc hết mình để tận dụng sức mạnh ngày càng tăng của các mạng xã hội và các thiết bị di động như điện thoại thông minh và máy tính bảng.

Việc chia sẻ hình ảnh video trên các trang như YouTube đã tạo ra các cơ hội và cả các cạm bẫy cho cuộc vận động chính trị. Các ứng viên đã tận dụng lợi thế của công nghệ để tạo ra các video về bản thân mình, đôi khi là những đoạn hình ảnh khôi hài. Vào một lúc nào đó, các ứng viên đã bị ghi lại trong một khoảnh khắc thiếu đề phòng, khi họ buột miệng nói hay vô ý làm một điều gì đó mà thông thường họ sẽ không nói hoặc làm trước một số đông cử tọa – và sự hổ



Các ứng viên lôi kéo các cử tri thông qua mạng và các phương tiện truyền thông xã hội khác.

hình này của họ được chiếu đi chiếu lại trên Internet và trên vô tuyến truyền hình.

BẦU CỬ QUỐC HỘI HOA KỲ

Bầu cử Quốc hội Hoa Kỳ có thể mang tính cạnh tranh và quan trọng chẳng kém gì bầu cử tổng thống. Điều này là do Quốc hội Hoa Kỳ có tầm quan trọng đặc biệt trong việc lập pháp.

Khác với hệ thống quốc hội nghị viện (Parliament), trong đó người đứng đầu cơ quan hành pháp được bầu lên từ quốc hội, hệ thống của Hoa kỳ, như đã nói, lại tách biệt rõ rệt giữa cơ quan lập pháp và chức vụ tổng thống. Tổng thống và các thành viên của cơ quan lập pháp được bầu một cách riêng rẽ. Mặc dù một tổng thống đương nhiệm có thể đề xuất các dự luật lên Quốc hội, song các luật phải được soạn thảo ở quốc hội bởi những nghị sĩ có chung quan điểm với tổng thống, và phải được Quốc hội thông qua trước khi gửi lại cho tổng thống ký. Hạ viện và Thượng viện hoàn



Terri Sewell (bên phải), ăn mừng cuộc bầu cử tháng 11 năm 2010 khi được chọn vào ghế Hạ viện Hoa Kỳ từ bang Alabama.

toàn độc lập về chính trị và pháp lý với ý nguyện của tổng thống.

Trong Quốc hội Hoa Kỳ, kỷ luật đảng tỏ ra ít nghiêm ngặt hơn so với kỷ luật đảng trong các hệ thống quốc hội nghị viện. Các nghị sĩ có thể khá dễ dàng bỏ phiếu cho các chính sách mà họ coi là tốt nhất, kể cả những gì họ nghĩ là tốt nhất để chính họ được tái đắc cử. Kết quả là những người lãnh đạo Quốc hội phải hình thành một liên minh thắng thế tại một thời điểm hơn là mong đợi vào sự ủng hộ tự động từ các đảng có kỷ luật cao. Điều đó khiến cho phải khó khăn lắm mới đạt được một thắng lợi về lập pháp ở Quốc hội.

Các cuộc bầu cử Quốc hội là rất quan trọng đối với quốc gia, vì Quốc hội là đầy quyền lực và khó dự báo; và cá nhân các nghị sĩ cũng vậy.



Tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ là trụ sở của hai viện, Hạ viện và Thượng viện.

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA HẠ VIỆN VÀ THƯỢNG VIỆN

Hạ viện và Thượng viện có quyền lực gần như nhau, nhưng cách thức bầu cử của hai viện lại khá khác nhau. Những người sáng lập nền Cộng hòa Mỹ mong muốn các thành viên của Hạ viện phải gần gũi dân chúng, phản ánh các mong ước và nguyện vọng của dân chúng. Do vậy, những người sáng lập đã thiết kế Hạ viện đủ lớn cho các thành viên đến từ các đơn vị lập pháp nhỏ lẻ và bầu cử thường kỳ (hai năm một lần). Ban đầu, thời hạn hai năm được một số người xem là quá dài. Vào những năm trước đây khi giao thông chủ yếu bằng xe ngựa, thời hạn hai năm ở Washington có thể khiến một nghị

sẽ bị cách biệt với các cử tri ở khu vực bầu cử của mình đến hai năm. Ngày nay, người ta lại quan ngại rằng các cuộc bầu cử hai năm một lần sẽ buộc những người được bầu phải bay trở lại các khu vực bầu cử của mình vào mỗi cuối tuần để củng cố sự ủng hộ mà cử tri ở đó dành cho mình.

Mỗi ghế ở Hạ viện đại diện cho một khu vực địa lý nhất định, và như trên đã nêu, mỗi thành viên được bầu ra như một đại diện duy nhất của khu vực ấy theo nguyên tắc số phiếu cao nhất. Mỗi bang trong số 50 bang được đảm bảo ít nhất có một ghế trong Hạ viện, số ghế còn lại được phân chia cho các bang tùy theo số dân của bang đó. Chẳng hạn, Alaska có số dân rất ít, do đó chỉ chiếm một ghế trong Hạ viện; còn California, bang đông dân nhất, chiếm đến 53 ghế. Theo tổng điều tra dân số cứ mười năm một lần, số ghế được phân bổ cho một bang được tính toán lại có kể đến sự thay đổi số dân trong bang 10 năm qua, và các cơ quan lập pháp bang thiết lập lại các đường biên của các khu vực bầu cử trong bang để phản ánh sự thay đổi về số ghế được phân bổ cho bang hoặc sự tăng giảm của dân số trong bang.



Các đối thủ Cory Gardener (bên trái) và Betsy Markey tham gia cuộc tranh luận tháng Mười năm 2010 trong cuộc bầu cử đại diện của Colorado vào Hạ viện Hoa Kỳ.

Trong khi đó, Thượng viện được thiết kế để các thành viên đại diện cho các khu vực cử tri lớn – toàn bộ một bang – và tạo ra sự đại diện bình đẳng cho mỗi bang mà không kể đến số dân của bang đó. Như

vậy, trong Thượng viện, các bang nhỏ cũng có ảnh hưởng nhiều như các bang lớn (hai thượng nghị sĩ).

Các thượng nghị sĩ ban đầu được tuyển chọn bởi cơ quan lập pháp bang. Phải đến khi Hiến pháp được sửa đổi lần thứ 17 vào năm 1913 thì các thượng nghị sĩ mới được bầu trực tiếp bởi các cử tri trong bang của họ. Mỗi bang có hai thượng nghị sĩ được bầu cho một thời hạn 6 năm so le, tức là cứ hai năm thì một phần ba số ghế của Thượng viện được bầu lại. Một thượng nghị sĩ được chọn nếu giành được số phiếu cao nhất trong toàn bộ cử tri của bang.

TRUNG THÀNH VỚI ĐẢNG HAY VỚI CÁ NHÂN

Trước đây, các cuộc bầu cử quốc hội có khuynh hướng “lấy đảng làm trung tâm”, khi có nhiều cử tri trung thành lâu dài với một đảng nhất định, và cũng thường có xu hướng bỏ phiếu bầu cho những người thuộc đảng mình ủng hộ vào quốc hội. Các phẩm chất cá nhân riêng biệt và hiệu quả hoạt động của những người được bầu chỉ có tác dụng ít ỏi để làm tăng thêm hoặc giảm đi sự ủng hộ của cử tri đối với đảng đó. Trong những thập niên gần đây, các quan điểm và phẩm chất của cá nhân các ứng viên đã trở thành yếu tố quan trọng hơn trong các cuộc bầu cử và đã làm cho lòng trung thành với đảng giảm đi phần nào tầm quan trọng của nó.

Thực vậy, từ những năm 1960, các cuộc bầu cử toàn quốc đã có xu hướng lấy ứng viên làm trung tâm. Sự phát triển của các phương tiện truyền thông và internet, tầm quan trọng của việc tích cực vận động góp tài chính cho vận động tranh cử, các cuộc thăm dò dư luận liên miên và những khía cạnh khác của vận động tranh cử hiện đại khiến cho cử tri biết rõ hơn về ứng viên với tư cách là một cá nhân. Kết quả là

các cử tri có khuynh hướng cân nhắc về các điểm mạnh, yếu của cá nhân ứng viên cùng với tính trung thành với đảng trong việc quyết định ủng hộ cho ai. Việc thiết lập giáo dục công lập cho cấp học cơ sở vào đầu thế kỷ 20 và giáo dục đại học sau Chiến tranh Thế giới Thứ hai cũng đã khiến cho các cử tri tin tưởng nhiều hơn vào sự đánh giá của bản thân mình và ít lệ thuộc vào những gợi ý của đảng khi họ đi bỏ phiếu.

Trong bối cảnh của các cuộc bầu cử lấy ứng viên làm trung tâm, các nghị sĩ đương nhiệm của Quốc hội rất thuận lợi, và có tỷ lệ tái đắc cử đến trên 90%. Điều đó một phần là do tin tức về Quốc hội mà các phương tiện truyền thông đưa ra thường không có gì nổi bật, nhất là tin tức về các cá nhân nghị sĩ mà các phương tiện truyền thông địa phương trong các bang hoặc các khu vực bầu cử của họ đưa ra. Với sự đưa tin có lợi trên các phương tiện truyền thông nói chung và sự tham gia hàng ngày vào các vấn đề chính sách công cũng như vào các cá nhân và các nhóm cố tìm cách tác động tới chính sách - những người đương nhiệm cũng thường hay quyền được nhiều tiền hơn để dùng vào việc vận động tranh cử. Vì những lý do này và cả những lý do khác nữa, những người đương nhiệm muốn tái đắc cử thường rất dễ thắng, bất kể họ thuộc đảng nào.



Các huy hiệu vận động tranh cử là một bộ phận của các cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ đã hơn một thế kỷ nay.

CÁC CUỘC THĂM DÒ DƯ LUẬN VÀ CÁC NHÀ BÌNH LUẬN

Mặc dù không phải là một bộ phận của các quy tắc và luật pháp về bầu cử, nhưng các cuộc thăm dò dư luận đã trở thành một bộ phận quan trọng của quá trình bầu cử trong mấy thập niên gần đây. Nhiều ứng viên chính trị thuê người làm công việc thăm dò dư luận và thường xuyên tiến hành thăm dò dư luận. Việc thăm dò dư luận làm cho các ứng viên chính trị biết họ đang được đánh giá tích cực đến mức nào so với các đối thủ của mình và những vấn đề gì là quan trọng hơn hết đối với các cử tri. Các phương tiện truyền thông, báo chí, vô tuyến truyền hình cũng thực hiện các cuộc thăm dò dư luận và đưa tin về chúng (cùng với kết quả của các cuộc thăm dò dư luận riêng của các ứng viên), giúp cho công chúng biết được sự ưa thích của họ đối với các ứng viên, các vấn đề và quan điểm của họ so với quan điểm của những người khác.



Sân trượt băng ở Trung tâm Rockefeller của Thành phố New York trưng bày kết quả đêm bầu cử với các bang tô màu đỏ là Đảng Cộng hòa và các bang tô màu xanh là Đảng Dân chủ.

50 năm trước, chỉ có một hoặc hai tổ chức lớn đứng ra thực hiện việc thăm dò dư luận. Ngày nay, trong kỷ nguyên của thông tin, các tin tức sốt dẻo và vô số các nguồn tin thường xuyên cung cấp kết quả của các cuộc thăm dò dư luận được phát trên các kênh truyền hình cáp và Internet suốt 24 giờ/ngày.

THĂM DÒ DƯ LUẬN TRONG LỊCH SỬ

Giờ đây, việc thăm dò dư luận thường xuyên do tư nhân và các nhà thăm dò dư luận chuyên nghiệp tiến hành đã trở nên rất bình thường đối với cá nhân các ứng viên cũng như đối với cả những quan chức cao cấp như tổng thống chẳng hạn, những người muốn biết được luồng gió chính trị đang đi theo hướng nào. Tuy nhiên, các cuộc thăm dò dư luận độc lập thông qua các phương tiện truyền thông vẫn là cách thức điển hình nhất trong suốt lịch sử Hoa Kỳ.

Mặc dù cuộc thăm dò dư luận đầu tiên được tiến hành từ năm 1824 bởi một tờ báo địa phương ở Harrisburg, bang Pennsylvania; nhưng mãi đến những năm 1930, các cuộc thăm dò dư luận độc lập mới trở thành yếu tố chủ yếu của việc đưa tin tức truyền thông trong các cuộc vận động tranh cử chính trị.

Cho đến những năm 1970, tất cả ba kênh tin tức truyền hình chủ yếu của Hoa Kỳ thời đó (ABC, CBS và NBC) đã thực hiện các cuộc thăm dò dư luận riêng của mình trong cuộc chạy đua vào ghế tổng thống, và sau đó trong các cuộc chạy đua vào ghế thống đốc các bang quan trọng và vào Quốc hội Hoa Kỳ.

Các cuộc thăm dò dư luận qua truyền thông hiện đại, như những cuộc đã được thực hiện với danh nghĩa kênh tin tức truyền hình cộng

tác với báo chí (chẳng hạn CBS/New York Times, ABC/Washington Post, NBC/Wall St. Journal), được tiến hành thường xuyên và có thể theo dõi dư luận công chúng hàng tuần hay hàng ngày về các ứng viên và các vấn đề đang



Các nhà bình luận chính trị của Đảng Cộng hòa Karl Rove, bên trái, và của Đảng Dân chủ James Carville tham gia một chương trình vào tháng 5 năm 2009 tại New York.

tranh cãi. Các chương trình được tổ chức để có tính chất trung lập và độc lập. Các thập niên gần đây, việc thăm dò dư luận độc lập đã đưa ra được cái nhìn khách quan trong bầu cử, những đánh giá về điểm mạnh điểm yếu của mỗi ứng viên và một sự kiểm tra về các nhóm nhân khẩu học ủng hộ mỗi ứng viên. Việc thăm dò dư luận độc lập như vậy khiến cho các phóng viên và các biên tập viên có thể thấu hiểu và đưa ra các đánh giá chân thực về tình hình cuộc vận động tranh cử và các cử tri nhận thức tốt hơn về bức tranh chính trị trong nước.

QUY MÔ VÀ THÀNH PHẦN CỦA MẪU PHÒNG VẤN THĂM DÒ DƯ LUẬN

Đôi khi, các cuộc thăm dò dư luận ngắn (qua đêm) được tiến hành sau một sự kiện chính, chẳng hạn sau bản Thông điệp Liên bang hằng năm của Tổng thống hoặc sau một cuộc tranh luận giữa các ứng viên đại diện cho đảng phái chính trị. Thường thì các cuộc thăm dò này được tiến hành trong một đêm để công bố ngay ngày hôm sau và

số người trong cả nước được hỏi ý kiến chỉ là 500 người đủ tuổi đi bỏ phiếu mà thôi.

Mặc dù việc thăm dò dư luận qua đêm này có thể cho thấy phản ứng của công chúng một cách nhanh chóng, song một số chuyên gia lại cho rằng một mẫu 500 công dân là quá nhỏ để xem là đại diện cho một đất nước có trên 300 triệu dân. Nhiều nhà thăm dò dư luận chuyên nghiệp thích đưa ra câu hỏi cho ít nhất 1000 người đủ tuổi đi bầu để có được một mẫu tiêu biểu cho toàn dân. Và ngay cả những cuộc thăm dò dư luận kỹ lưỡng nhất thì kết quả của nó cũng còn tùy thuộc vào việc người ta diễn giải kết quả đó như thế nào, và có rất nhiều ví dụ về các ứng viên từ chỗ tên tuổi ít ai biết đến lại trở nên được đông đảo công chúng mến mộ, trái ngược hẳn với chiều hướng mà kết quả các cuộc thăm dò dư luận trước đó đã chỉ ra.

Các cuộc thăm dò dư luận sớm có thể cung cấp rất nhiều số liệu chứ không chỉ là ứng viên nào dẫn đầu trong cuộc đua. Chúng có thể cho ta biết dân chúng đang quan tâm đối với các vấn đề nào và miêu tả được tâm lí chung của dân chúng. Như một nhà thăm dò dư luận đã nói, “Các cuộc thăm dò dư luận chỉ đơn thuần là bổ sung tính khoa học vào những gì các ứng viên nhìn thấy và những gì dân chúng cảm thấy – sự hài lòng, oán thán, giận dữ, bức bối, tin tưởng hoặc thậm chí cả tuyệt vọng”. Do đó, các kết quả thăm dò của chính phủ và tư nhân giúp cho các ứng viên xác định được các thông điệp truyền thông tối ưu mà mình cần nhấn mạnh, đồng thời tập trung vào các vấn đề mà dân chúng quan tâm.

THĂM DÒ DƯ LUẬN CỬ TRI KHI HỌ RỜI KHỎI CÁC ĐIỂM BỎ PHIẾU

Thăm dò dư luận các cử tri khi họ rời điểm bỏ phiếu (được thực hiện bởi các hãng truyền hình) đã là một yếu tố chủ yếu trong các cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ từ những năm 1970. Các cuộc thăm dò này cũng được cho là đáng bàn cãi nhất bởi nó đem lại cho các mạng truyền hình một cách thức để dự báo những thắng lợi trong bầu cử dựa trên các cuộc phỏng vấn những người vừa bỏ phiếu xong. Việc phỏng vấn các cử tri khi họ rời điểm bỏ phiếu đã gặp phải nhiều chỉ trích trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2000, khi nó bị truyền hình lạm dụng để đưa ra không chỉ một mà những hai nhận định sai lầm về người thắng cử đã được các cử tri ở bang Florida lựa chọn. Áp lực phải là mạng truyền hình đầu tiên đưa ra dự báo còn cao hơn cả áp lực phải đưa ra dự báo chính xác.

Tuy vậy, nếu được sử dụng đúng cách, các cuộc phỏng vấn cử tri khi họ rời phòng bỏ phiếu có thể là một công cụ quan trọng đối với những người đi thăm dò dư luận, báo chí và các học giả. Ngoại trừ việc sử dụng các cuộc phỏng vấn này để phán đoán ai sẽ là người thắng cử từ sớm trong Ngày Bầu cử (chuyện này còn là một vấn đề đáng phải bàn luận), việc phỏng vấn cử tri ngay sau khi bỏ phiếu cung cấp cho các chuyên gia và các nhà khoa học chính trị các chi tiết về việc các nhóm nhân khẩu học cụ thể đã bầu như thế nào và giải thích về những lý do bỏ phiếu của họ.

VIỆC TÀI TRỢ CHO VẬN ĐỘNG TRANH CỬ



Thông đốc bang Texas Rick Perry, một ứng viên đề cử tổng thống của Đảng Cộng hòa năm 2012 có mặt trong một cuộc quyên góp gây quỹ ở Jefferson bang Iowa, tháng 9/2011.

Luật Liên bang quy định các ứng viên cho các chức vụ liên bang như tổng thống, thượng nghị sĩ, hạ nghị sĩ và một số người trong các liên minh chính trị của mình có thể quyên góp gây quỹ như thế nào cũng như xin tài trợ từ những ai và với tổng số là bao nhiêu. Luật tài chính về vận động tranh cử của liên bang hoàn toàn tách biệt với các luật của bang liên quan đến các cuộc bầu cử cấp bang và các cơ quan dân cử ở địa phương.

Trong hệ thống của Hoa Kỳ, đối với một quốc gia có trên 100 triệu cử tri, các ứng viên tổng thống quyên góp hàng trăm triệu đô la cho một cuộc vận động tranh cử. Mặc dù trong nhiều trường hợp, việc gây quỹ là từ các nguồn tư nhân, nhưng quá trình họ gây quỹ và việc chi tiêu số tiền ấy vẫn được quy định nghiêm ngặt.

Một ứng viên tổng thống phải thành lập một tổ chức vận động tranh cử, được gọi là Ủy ban Chính trị. Ủy ban này phải có người thủ quỹ và phải đăng ký với Hội đồng Bầu cử Liên bang (Federal Election Commission, FEC). Mặc dù tên gọi của nó là như vậy, song FEC chỉ

giám sát và đảm bảo cho các luật tài chính trong vận động tranh cử được tuân thủ; thực sự nó không thực hiện các cuộc bầu cử. (Quá trình đăng ký cử tri, quản lý việc bỏ phiếu và kiểm phiếu là trách nhiệm của bang và các quan chức bầu cử địa phương).



Tổng thống Obama tham dự sự kiện gây quỹ tháng 11/2011 tại Hawaii.

Các Ủy ban Chính trị khác nhau được đăng ký với FEC. Ngoài các ứng viên ra, các đảng chính trị cũng phải đăng ký các ủy ban riêng của đảng với cơ quan FEC. Thêm nữa, bất kỳ một nhóm công dân tư nhân nào cũng có thể thành lập một ủy ban chính trị.

Khi đã đăng ký, Ủy ban chính trị có thể bắt đầu quyên góp quỹ vận động tranh cử. Số tiền quỹ này cũng như các chi tiêu phải được báo cáo cho FEC hằng quý hoặc hằng tháng. Những báo cáo này có thể được gửi qua mạng và có sẵn công khai trên trang Web của FEC (www.fec.gov). Rất nhiều các tổ chức tư nhân cũng lập những trang mạng để theo dõi việc gây quỹ và chi tiêu của các ứng viên, các đảng chính trị và các ủy ban hành động chính trị. Mục đích của việc này là làm cho báo chí và cử tri dễ dàng biết được những nhóm nào tài trợ cho ứng viên nào và căn nguyên của việc đó. Cũng có những giới hạn luật pháp về việc cá nhân công dân và các ủy ban riêng có thể tài trợ bao nhiêu tiền cho ứng viên mà mình yêu thích. Tương tự như vậy, một ứng viên tổng thống, người cần quyên góp hàng trăm triệu đô la cho vận động tranh cử, phải tìm được hàng ngàn người đóng góp vào quỹ cho mình.

Năm 2010, một phán quyết gây tranh cãi của Tòa án Tối cao đã làm thay đổi mạnh mẽ luật tài trợ cho vận động tranh cử. Trước khi có phán quyết này, luật này đã nghiêm cấm các công ty và các tổ chức công đoàn chi tiền trực tiếp để ủng hộ hoặc phản đối các ứng viên tổng thống và các ứng viên nghị sĩ quốc hội. Các nhóm cá nhân được phép lập các quỹ tách biệt riêng rẽ trong cái gọi là Ủy ban Hành động chính trị (Political Action Committee, PAC) để đóng góp vào việc vận động tranh cử của đảng chính trị hoặc của ứng viên chứ không được sử dụng các ngân quỹ của công ty hay công đoàn. Sau phán quyết nói trên, các công ty và các tổ chức công đoàn có thể chi tiền trực tiếp với số lượng không hạn chế để làm cho ứng viên đắc cử hoặc thất bại với điều kiện là họ không làm việc ấy trong sự phối hợp với tổ chức vận động tranh cử của ứng viên.

Để vận động tranh cử cho một chức vụ, ứng viên cần thuê nhân viên; bố trí nơi đặt văn phòng và việc đi lại; tiến hành nghiên cứu; phát hành các bài viết trình bày quan điểm; quảng cáo trên đài phát thanh và vô tuyến truyền hình, dưới dạng ấn phẩm và trên internet; thực hiện rất nhiều buổi xuất hiện trước công chúng và các sự kiện gây quỹ. Một ứng viên hạ nghị sĩ sẽ tiến hành các hoạt động này trong khu vực bầu cử quốc hội cụ thể của mình, trong khi một ứng viên thượng nghị sĩ lại tiến hành



Newt Gingrich, cựu Chủ tịch Hạ viện, phát biểu tại một buổi gây quỹ cho Đảng Cộng hòa tại Quốc hội, tháng 6/2009 ở Washington.

những việc này trên phạm vi toàn bang của mình (Các ứng viên hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ cũng có thể tiến hành các sự kiện gây quỹ riêng biệt ở một nơi nào đó, chẳng hạn ở Washington). Các ứng viên tổng thống còn có một nhiệm vụ khó khăn nữa là phải tổ chức các cuộc vận động tranh cử sơ bộ hết bang này đến bang khác, và sau đó nếu được đề cử thì tiến hành vận động tranh cử chung trên khắp đất nước.

TÀI TRỢ TỪ NGÂN SÁCH CÔNG

Từ năm 1976, các ứng viên tổng thống có thể xin tài trợ từ ngân sách nhà nước. Đến cuộc bầu cử năm 2000, tất cả các ứng viên được đề cử tranh chức tổng thống đều đã tham gia vào hệ thống này bằng việc nhận tiền từ ngân sách chính phủ với cam kết không chi nhiều hơn một số tiền đã định. Tuy nhiên, hệ thống này giờ đây đã không còn hấp dẫn đối với các ứng viên nữa, bởi giới hạn chi tiêu đặt ra được cho là quá thấp, và còn ít hơn cả số tiền mà các ứng viên chính có thể dễ dàng quyên góp được từ các nguồn tư nhân. Kết quả là nhiều ứng viên chính đã từ chối khoản tài trợ từ ngân sách nhà nước.

Các khoản chi tiêu tăng lên liên tục, cuộc bầu cử sau lại chi nhiều hơn cuộc bầu cử trước. Ngoài việc chi tiêu của ứng viên thì các đảng chính trị, các Ủy ban Hành động chính trị và các nhóm lợi ích khác cũng chi tiền để gây tác động đến cuộc bầu cử. Ví dụ như một động thái mới đây trong việc rót tiền cho bầu cử là “527 tổ chức chính trị” theo tên gọi một chương trong bộ luật thuế Hoa Kỳ. Các nhóm này được tổ chức trước hết nhằm mục đích tác động đến việc lựa chọn, đề cử, bầu hoặc bổ nhiệm một cá nhân vào một tổ chức nhà nước cấp liên bang, bang hay địa phương. 527 tổ chức chính trị, chẳng hạn như

tổ chức Tiến lên (MoveOn) hay Cựu chiến binh Hải quân vì chân lý không bị điều chỉnh bởi Hội đồng Bầu cử Liên bang hay bởi Hội đồng Bầu cử địa phương và không bị giới hạn số tiền đóng góp giống như các Ủy ban Hành động chính trị. Những người chỉ trích tổ chức này và những nhóm tương tự đã khẳng định từ lâu rằng việc chi tiêu quá lớn cho bầu cử ở Hoa Kỳ, kết hợp với sự lệ thuộc vào các nguồn tiền tư nhân để lập quỹ làm dấy lên mối lo ngại rằng những nhà tài trợ giàu có và những nhóm lợi ích đầy quyền lực có thể gây những ảnh hưởng không phù hợp đến các chính sách công.



Những người tình nguyện vận động cho ứng viên Obama đang gọi điện thoại gây quỹ vào tháng 5/2011 tại Philadelphia.

Các cải cách được đề xuất đã vấp phải sự phản đối của những người cho rằng chi tiêu cho bầu cử cũng giống như giá cả hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế hiện nay. Ở khía cạnh này, chi tiêu cho bầu cử được xem như cái giá mà một nền dân chủ phải trả cho sự cạnh tranh trong bầu cử, với sự đóng góp và chi tiêu lớn của các nhóm lợi ích như là biểu hiện đương đại của thuyết đa nguyên đã tồn tại lâu đời ở nước Mỹ. Thật khó mà chứng minh được có một mối liên hệ đặc biệt nào đó giữa việc tài trợ của một nhóm lợi ích và chính sách của chính phủ. Tòa án cũng đã đặt ra câu hỏi liệu những hạn chế chặt chẽ thêm nữa về việc tài trợ và chi tiêu cho bầu cử liệu có triệt tiêu quyền tự do ngôn luận của người tài trợ trên chính trường đã ghi rõ trong hiến pháp hay không. Căn cứ vào khoản chi tiêu khổng lồ trong vận động tranh cử hiện nay, một số cá nhân cực kỳ giàu có hoàn toàn có thể tự

bỏ tiền lập quỹ vận động tranh cử riêng của mình để được bầu vào một cơ quan dân cử– không có luật nào ngăn cấm việc đó. Đôi khi họ thắng cử, đôi khi họ thất bại.

THỦ TỤC BẦU CỬ Ở HOA KỲ

Hàng nghìn viên chức chịu trách nhiệm về việc tổ chức và tiến hành cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ, kể cả việc lập các bảng kê kiểm phiếu và chứng nhận các kết quả. Các viên chức này có một loạt các nhiệm vụ quan trọng và phức tạp – xác định chính xác các ngày bầu cử, xác nhận điều kiện đủ tư cách của các ứng viên, đăng ký các cử tri đủ điều kiện và lập danh sách cử tri, lựa chọn các đồ dùng thiết bị cần thiết cho bầu cử, thiết kế các tấm phiếu bầu, tổ chức một lực lượng lao động tạm thời đông đảo để trông nom việc bỏ phiếu trong Ngày Bầu cử, lập bảng kiểm phiếu và xác nhận kết quả.

Trong khi hầu hết các cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ gồm các đối thủ không thật ngang sức, đôi khi lại có những cuộc đua mà chiến thắng rất sát sao hoặc những cuộc đua mà trong đó kết quả còn gây tranh cãi. Kết quả của cuộc



Các nhân viên ở phòng bỏ phiếu là Paula Norris, bên trái, và Erlinda Wiggins giúp các cử tri trong cuộc tổng tuyển cử tháng 11/2010 tại Bernalillo, bang New Mexico.

bầu cử tổng thống năm 2000 - cuộc tranh cãi kéo dài để xác định người thắng cử trong cuộc bầu cử tổng thống gần đây nhất trong lịch sử Hoa Kỳ - đã lần đầu tiên đặt người Mỹ trước nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý hành chính.

Bỏ phiếu ở Hoa Kỳ là một quá trình gồm hai bước. Không có danh sách các cử tri đủ điều kiện trên cả nước, nên một công dân trước hết phải đăng ký để có đủ điều kiện đi bầu. Các công dân đăng ký đi bỏ phiếu ở nơi mình sống; nếu chuyển tới nơi ở mới, họ phải đăng ký lại ở địa chỉ mới của họ. Hệ thống đăng ký đã được thiết kế để loại trừ sự gian lận, nhưng thủ tục đăng ký cử tri ở các bang lại không giống nhau. Trước kia, thủ tục đăng ký chọn lọc đã được dùng để ngăn cản những công dân nhất định tham gia bầu cử, đặc biệt là những người Mỹ gốc Phi ở miền Nam.



Robert Brittingham, 3 tuổi, đợi người cha bỏ phiếu trong cuộc tổng tuyển cử tháng 11/2010 ở Salisbury, bang Maryland.

Đã có khuynh hướng nới lỏng các yêu cầu về đăng ký. Ví dụ, Đạo luật Đăng ký cử tri năm 1993 khiến cho công dân có thể đăng ký bầu cử vào lúc họ thay mới bằng lái xe do bang cấp. Tuy nhiên, mới đây nhiều bang đã thông qua các luật khiến cho việc đăng ký khó khăn hơn, chẳng hạn bằng cách đòi hỏi phải có chứng minh thư do chính phủ cấp, hạn chế các đợt vận động đăng ký cử tri và bỏ việc đăng ký vào Ngày Bầu cử.

Một trong những chức năng quan trọng nhất của các viên chức bầu cử là đảm bảo rằng bất cứ người nào đủ điều kiện đi bỏ phiếu đều phải có tên trong danh sách cử tri, nhưng không được để người không đủ tiêu chuẩn nằm trong danh sách đó. Nói chung, các viên chức bầu cử địa phương hay mắc sai lầm theo chiều hướng vẫn để tên những người trong danh sách cho dù gần đây họ không đi bầu hơn là loại bỏ những cử tri có thể có đủ tiêu chuẩn. Khi một người đến địa điểm bỏ phiếu mà không thấy tên mình trên danh sách, người ấy sẽ được nhận một phiếu bầu tạm thời để ghi nhận sự bỏ phiếu của mình. Sau đó, các viên chức sẽ xét lại xem người đó có đủ tiêu chuẩn cử tri hay không, trước khi lá phiếu của người đó được kiểm đếm.

QUẢN LÝ CUỘC BẦU CỬ

Ở Hoa Kỳ, một cuộc bầu cử, dù là bầu cử vào một cơ quan dân cử cấp liên bang, là một quy trình hành chính được thực hiện tại địa phương. Và như đã nêu, các viên chức bầu cử, điển hình là các viên chức hoặc thư ký của hạt hay của thành phố, có một nhiệm vụ nặng nề. Họ không chỉ có trách nhiệm đăng ký cử tri suốt cả năm và xác định xem ai là người đủ điều kiện đi bỏ phiếu trong một cuộc bầu cử cụ thể; họ còn phải thiết kế các tấm phiếu bầu cho mỗi cuộc bầu cử và đảm bảo rằng tất cả các ứng viên đã được chứng nhận đều có tên trong danh sách và tất cả các vấn đề được



Một điểm bỏ phiếu ở Los Angeles, bang California, có các phiếu bầu theo nhiều thứ tiếng.

nêu trong lá phiếu để cử tri cho ý kiến phải được diễn đạt chính xác. Và họ phải cố gắng làm cho lá phiếu càng đơn giản và càng rõ ràng càng tốt.

Hiện nay, không có các tiêu chuẩn quốc gia về hình thức của lá phiếu. Theo Đạo luật Quyền bầu cử, các viên chức bầu cử có thể phải cung cấp những phiếu bầu theo nhiều thứ tiếng (nếu có một phần dân chúng không nói tiếng Anh như một ngôn ngữ chính). Trong một vài khu vực, thứ tự tên của các ứng viên và của các đảng trên phiếu bầu phải được phân định một cách ngẫu nhiên. Cuối cùng thì các viên chức bầu cử địa phương phải chọn sử dụng các máy bỏ phiếu cụ thể sao cho các lá phiếu phải vừa hợp với thiết bị.

Trong khoảng thời gian giữa các cuộc bầu cử, các viên chức này chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo trì các thiết bị bỏ phiếu. Và một trong số những nhiệm vụ khó khăn nhất của họ là thuê và huấn luyện một đội ngũ đông đảo các nhân viên tạm thời cho một kỳ làm việc dài (điển hình là từ 10 đến 15 tiếng đồng hồ) vào Ngày Bầu cử.

BẢN CHẤT CỦA VIỆC BỎ PHIẾU KÍN

Việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử công minh, đúng luật pháp và chuyên nghiệp là khá mất công. Bởi lẽ các thiết bị và hình thức lá phiếu nói chung là do các viên chức cấp địa phương đặt mua; kiểu loại và chất lượng của thiết bị mà các cử tri sử dụng thường tương ứng với tình trạng kinh tế xã hội và hệ thống thuế quan của địa phương họ. Do tiền thu thuế ở địa phương còn phải dành để chi cho cả các trường học, cảnh sát và cứu hỏa cũng như các công viên và các phương tiện giải trí, nên việc đầu tư cho công nghệ bỏ phiếu thường không được dành nhiều ưu tiên.

Có rất nhiều các loại thiết bị bỏ phiếu khác nhau ở Hoa Kỳ, và các công nghệ bỏ phiếu vẫn đang thay đổi liên tục. Ngày nay, người ta rất hiếm thấy những nơi còn dùng những phiếu bầu bằng giấy cầm tay có dấu nhân “X” bên cạnh tên ứng viên như xưa, nhưng vẫn còn nhiều hệ thống kết nối với máy tính phụ thuộc vào các phiếu bầu bằng giấy, trên đó các cử tri tô màu vào các vòng tròn hoặc nối các



Một cử tri ở Seattle, bang Washington bỏ lá phiếu của mình vào thùng phiếu bên ngoài một thư viện công cộng, trong cuộc tổng tuyển cử tháng 11/2010.

đường kẻ. Những phiếu bầu này sau đó được quét bằng máy để có bản ghi kết quả bỏ phiếu; thiết bị này được gọi là hệ thống quét quang học.

Một vài khu vực vẫn sử dụng các máy kiểu “đòn bẫy”, trên đó các cử tri xoay một đòn bẩy nhỏ đến cạnh tên ứng viên mà họ ưa thích hoặc sang phía của một vấn đề mà họ ủng hộ. Một kiểu máy khác rất phổ biến là máy “thẻ đục lỗ”. Phiếu bầu là một tấm thẻ trên đó cử tri sẽ đục lỗ bên cạnh tên ứng viên mà mình lựa chọn, hoặc tấm thẻ này được gài vào một tay kẹp thẳng hàng với một ảnh của phiếu bầu, và khi đó các lỗ được đục thủng. Đó chính là dạng phiếu bầu đã gây tranh cãi về việc kiểm phiếu ở Florida trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2000. Tình trạng này đã dẫn đến việc nhiều nơi đã loại bỏ các thiết bị thẻ đục lỗ. Đạo luật Giúp đỡ bỏ phiếu ở Mỹ đã cho

phép việc lập quỹ tự nguyện cho những khu vực bầu cử để họ thay thế các hệ thống máy bỏ phiếu kiểu đòn bẩy và kiểu đục lỗ.



Ethel Miller tham gia cuộc bầu cử thị trưởng ở thành phố Kansas, bang Missouri, tháng 3/2011.

Xu hướng hiện nay là sử dụng loại thiết bị điện tử ghi trực tiếp (Direct Recording

Electronic Devices, DRE) có màn hình cảm biến tương tự như các máy ngân hàng tự động. Các chuyên gia an ninh đang làm việc để hoàn thiện hệ thống này nhằm giải quyết các vấn đề về bảo mật.

Một thay đổi quan trọng về việc bỏ phiếu kín trong những năm gần đây là người ta đã áp dụng quy trình làm phiếu bầu sẵn cho cử tri trước cuộc bầu cử. Xu hướng này xuất phát từ các điều khoản về lá phiếu của người vắng mặt được phát cho các cử tri biết trước mình sẽ vắng nhà (và không thể có mặt ở địa điểm bầu cử của mình) vào Ngày Bầu cử. Một số bang và khu vực bầu cử địa phương dần mở rộng điều khoản này, bằng việc cho phép các công dân đăng ký làm “cử tri vắng mặt thường xuyên” và phiếu bầu sẽ được về nhà của họ bằng đường bưu điện. Bang Oregon thực hiện các cuộc bầu cử hoàn toàn bằng đường gửi thư, thế nhưng hiện nay chỉ có mình bang đó làm như vậy. Những cử tri vắng mặt nói chung đều gửi phiếu bầu đã hoàn tất của mình trở lại bằng đường thư.

Điều khoản mới khác nữa là “bỏ phiếu sớm”, theo đó các máy bỏ phiếu được đặt ở các khu thương mại và những nơi công cộng khác ba tuần trước Ngày Bầu cử. Các công dân có thể qua đó vào lúc thuận tiện để bỏ phiếu.

VIỆC KIỂM PHIẾU

Việc lập bảng kiểm phiếu được tiến hành ngay trong Ngày Bầu cử. Mặc dù các phiếu bầu gửi sớm ngày càng trở nên phổ biến, nhưng các lá phiếu đó sẽ không được kiểm cho đến lúc việc lập bảng kiểm phiếu bắt đầu sau khi đóng cửa phòng bỏ phiếu, sao cho không một thông tin chính thức nào về chuyện ứng viên nào đang được nhiều phiếu hơn có thể bị lọt ra ngoài. Thông tin về kết quả sớm của việc bỏ phiếu có thể gây tác động đến chặng cuối của cuộc bầu cử.

TRÀO LƯU CẢI CÁCH

Một trong số những bài học dễ nhận thấy của cuộc bầu cử tổng thống năm 2000 là ở chỗ các vấn đề gặp phải về quản lý bầu cử, phiếu bầu và kiểm phiếu ở bang Florida cũng có thể xảy ra trong mức độ nào đó ở hầu hết các khu vực bầu cử khác ở Hoa Kỳ. Một số nghiên cứu đã được tiến hành, và một số các ban hội thẩm đã được thành lập để lắng nghe các luận cứ của chuyên gia và đã dẫn ra các bằng chứng về việc cải cách là cần thiết.

Vào năm 2002, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Giúp đỡ bỏ phiếu ở Mỹ (Help America Vote Act, HAVA), trong đó có một số yếu tố đáng chú ý. Thứ nhất là Chính phủ Liên bang đã cung cấp những khoản tiền cho các bang và các địa phương để thay thế các máy bỏ phiếu kiểu đòn bẩy và kiểu thẻ đục lỗ đã lỗi thời. Thứ hai là một Ủy ban Hỗ trợ bầu cử được thành lập để hỗ trợ kỹ thuật cho các viên chức quản lý bầu cử địa phương và xây dựng các tiêu chuẩn về thiết bị bỏ phiếu. Danh mục vốn đầu tư của Ủy ban này gồm việc xây dựng các chương trình nghiên cứu về máy bỏ phiếu và thiết kế tấm phiếu bầu, các phương pháp đăng ký, các phương pháp bỏ phiếu tạm thời

và ngăn ngừa gian lận, các thủ tục tuyển chọn và huấn luyện các nhân viên phòng bỏ phiếu, các chương trình nâng cao trình độ cử tri cùng các nội dung khác.

Đạo luật Giúp đỡ bỏ phiếu ở Mỹ tiêu biểu cho một sự chuyển hướng quan trọng khỏi sự can thiệp có giới hạn của liên bang trong việc quản lý hành chính ở địa phương trong quá trình bầu cử. Nhưng nỗ lực cải cách về

mặt thủ tục đó đã giúp tái khẳng định niềm tin mà người dân Mỹ dành cho hệ thống bầu cử của mình. Và cái giá phải trả sẽ là nhỏ nếu người dân cho rằng các cuộc bầu cử là nền tảng hợp pháp của nền dân chủ.



Hai anh em Larry Ferguson (bên trái) và Roger Ferguson rời khỏi ngôi trường địa phương ở miền quê Kansas sau khi họ bỏ phiếu trong cuộc tổng tuyển cử tháng 11/2010.

Các hình ảnh dùng trong tài liệu này:

Trang bìa: ©3d brained

Những hình ảnh còn lại thuộc bản quyền của ©AP Images, ngoại trừ:

Trang 12 ©Getty Images

Trang 16-17 Vincent Hughes

Trang 34: ảnh do Thư viện Quốc hội Mỹ cung cấp.

Trung tâm Hoa Kỳ

Phòng Thông tin-Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ

Tầng 1, Rose Garden Tower, 170 Ngọc Khánh, Hà Nội

Tel: (04) 3850-5180; Email: HanoiAC@state.gov

<http://vietnam.usembassy.gov>

<http://www.facebook.com/achanoi.usembassy>